TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3 - 2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Tô Phạm Tuyết Nghiêm**

2. Ông **Lê Văn Phương**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Đinh Thanh Thảo**, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2023/ TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Thái Thanh T,** sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Trương Thành T1 (P),** sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Thái Thanh T trình bày: Bà T và ông T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P ngày 31/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp với nhau, quan điểm về cuộc sống

gia đình không có điểm chung. Mặc dù nhiều lần tự bản thân hai bên tìm cách hòa giải nhưng điều không hiệu quả. Mâu thuẫn ngày càng lớn tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm nay nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1. Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 người con chung là Trương Thái Trần Ngọc T2 (nữ), sinh ngày 15/8/2020 và Trương Thị Hoài T3 (nữ), sinh ngày 09/12/2015, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng, bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Phía bị đơn ông Trương Thành T1 (Phố): Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa … nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà Thái Thanh T và ông Trương Thành T1 xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 31/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Thái Thanh T có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn ông Trương Thành T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hôn nhân giữa bà T và ông T1 là tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Theo bà T quá trình chung sống bà và ông T1 xảy ra

nhiều bất đồng quan điểm về cách sống và kinh tế gia đình. Trong thời gian ly thân hơn 01 năm nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Đối với ông T1, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà T, vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã thể hiện ông T1 không mong muốn hòa giải với bà T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều không có thiện chí hàn gắn. Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng bà T đã không còn tình cảm với ông T1, còn ông T1 bỏ mặc không quan tâm đến việc giải quyết vụ án, không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn bà T đối với ông T1.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Trương Thái Trần Ngọc T2 (nữ), sinh ngày 15/8/2020 và Trương Thị Hoài T3 (nữ) sinh ngày 09/12/2015. Bà T yêu cầu nuôi các con chung và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà T. Hiện nay, cháu T2 và cháu T3 đang chung sống với bà T, cháu T3 có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn chung sống với mẹ. Do đó, nhằm đảm bảo cho các trẻ được ổn định cuộc sống, có điều kiện tốt nhất để phát triển về mọi mặt, nên giao hai trẻ cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giao dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định tại Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Hội đồng xét xử đối chiếu với quy định pháp luật ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 900.000 đồng/tháng.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có, không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thái Thanh T với ông Trương Thành T1.

- *Về con chung:* Giao cháu Trương Thái Trần Ngọc T2 (nữ), sinh ngày 15/8/2020 và Trương Thị Hoài T3 (nữ), sinh ngày 09/12/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung 900.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T1 không ai được quyền ngăn cản.

- *Tài sản chung, nợ chung:* Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0006057 ngày 24/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí.

Ông T phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Phong Điền;
- TAND.TP Cần Thơ;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Thịnh

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Lê Văn Phương	**Tô Phạm Tuyết Nghiêm**	**Nguyễn Tiến Thịnh**